

Bản án số: 79/2018/HS-PT
Ngày: 14-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;
Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 88/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Phạm Minh T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Phạm Minh T, sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp 1A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 898/1B khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phạm Q (đã chết) và bà Trương Thị M, sinh năm 1953; bị cáo có vợ tên Đặng Thị X, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Ngày **08/01/2004**, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội "**Cướp tài sản**", chấp hành xong hình phạt tù ngày **20/3/2009**; ngày 09/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**", chấp hành xong hình phạt tù **ngày 10/6/2014**; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/10/2015, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Trương Thị M, sinh năm 1953; nơi cư trú: Ấp 1A, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Doãn H, Luật sư của Công ty Luật hợp danh NVL thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phạm Minh T là người sử dụng trái phép chất ma túy, để có tiền sử dụng ma túy, T bắt đầu mua bán ma túy từ tháng 9/2015, người cần mua ma túy thì liên lạc với T qua số điện thoại 0937026506 để thỏa thuận giá và địa điểm hoặc trực tiếp đến phòng trọ của T tại số 898/1B khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 14 giờ ngày 09/10/2015, Công an phường T kiểm tra phòng trọ của T phát hiện trên sàn nhà trong phòng trọ của T có 01 cái bóp bằng vải có 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín 02 đầu chứa chất bột màu trắng; trong túi quần của T có 03 gói ny lông hàn kín chứa chất bột màu trắng nên Công an phường T lập biên bản bắt giữ T cùng vật chứng gồm:

- 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín 02 đầu chứa chất bột màu trắng.
- 03 gói ny lông hàn kín chứa chất bột màu trắng.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu đen, sim số 0937026506.
- 01 cân tiểu ly màu xám.
- Tiền mặt 600.000 đồng.

Kết luận giám định số 1804/GĐ-PC54 ngày 16/10/2015 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận chất bột màu trắng chứa trong đoạn ống hút và 03 gói ny lông thu giữ của Nguyễn Phạm Minh T là Heroine, tổng trọng lượng 11,2492gam.

Quá trình điều tra xác định T đã nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Đăng N, Cao Văn T1, Hồ Hoàn T2 và Lê Văn T3.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 117/GĐPY ngày 07/4/2016 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay đương sự bị bệnh loạn thần di chứng khởi phát muộn giống tâm thần phân liệt do nhiều loại ma túy (F19.7 – ICD.10).

- Về pháp luật: Tại thời điểm gây án và hiện nay, đương sự bị **hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi**.

Ngày 09/10/2015, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, sau đó khởi tố bị can và lệnh tạm giam đối với Nguyễn Phạm Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để điều tra.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến khiếu nại đối với Kết luận giám định số 1804/GĐ-PC54 ngày 16/10/2015 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương và Kết luận giám định pháp y tâm thần số 117/GĐPY ngày 07/4/2016 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm (lần 1) số 228/2016/HS-ST ngày 02/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phạm Minh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm h, p khoản 2 Điều 194; điểm n, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Minh T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2015.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm (lần 1) số 110/2016/HS-PT ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định hủy Bản án hình sự sơ thẩm (lần 1) số 228/2016/HS-ST ngày 02/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm (lần 2) số 120/2018/HS-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phạm Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Minh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2018, bị cáo Nguyễn Phạm Minh T kháng cáo **đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên bị cáo vô tội (đơn kháng cáo trong hạn luật định).**

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Bị cáo T kháng cáo không thừa nhận hành vi phạm tội; tuy nhiên chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng thể hiện rõ khoảng 14 giờ ngày 09/10/2015, bị cáo T có tàng trữ tại phòng trọ (địa chỉ: Số 898/1B khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương) ma túy loại Heroine, có tổng trọng lượng 11,2492gam (theo Kết luận giám định số 1804/GĐ-PC54 ngày 16/10/2015 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương). Do đó, việc xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 07 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T, Luật sư Nguyễn Doãn H trình bày nội dung bào chữa: Bị cáo kháng cáo kêu oan là có căn cứ. Ngày 09/10/2015, Công an

phường T thực hiện việc khám xét phòng trọ của bị cáo T khi chưa có lệnh khám xét, khi Công an phường T thực hiện việc bắt giữ bị cáo T và thu giữ tang vật cũng không có biên bản ghi nhận sự việc, không có sự chứng kiến của chính quyền địa phương nên không khách quan, chưa đủ chứng cứ để chứng minh ma túy bị thu giữ là của bị cáo T; biên bản niêm phong vật chứng lập tại Công an phường T mà không lập tại hiện trường vụ án là có sai sót. Chứng cứ để buộc tội bị cáo T chưa vững chắc, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo vô tội.

Bị cáo Nguyễn Phạm Minh T trình bày và nói lời sau cùng tại phiên tòa: Bị cáo vô tội, vào thời điểm ngày 09/10/2015, bị cáo bị ba người đàn ông mặc thường phục vào phòng trọ dùng vũ lực uy hiếp để lấy tài sản gồm đô la Mỹ, tiền Việt Nam, điện thoại và đầu đĩa VCD của bị cáo; những người này còn dùng mền đè bị cáo đến ngất xỉu. Bị cáo không có hành vi tàng trữ ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là oan sai, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo vô tội.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phạm Minh T là bà Trương Thị M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo vô tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 14 giờ ngày 09/10/2015 tại phòng trọ của bị cáo T; địa chỉ: Số 898/1B khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, Công an phường T kiểm tra và phát hiện bị cáo T đang tàng trữ ma túy loại Heroine, có tổng trọng lượng 11,2492gam (theo Kết luận giám định số 1804/GĐ-PC54 ngày 16/10/2015 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương). Khi Công an phường T kiểm tra phòng trọ của bị cáo T thì lực lượng gồm có **Võ Trường S, Phan Ngọc M1, Lê Minh T4, Nguyễn Quốc H**; ngoài ra còn có sự chứng kiến của ông Nguyễn Đăng N.

Bị cáo T không thừa nhận có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại phòng trọ, cho rằng ma túy thu giữ tại phòng trọ không phải của bị cáo. Tuy nhiên, thời điểm lực lượng Công an phường T đến kiểm tra thì chỉ có bị cáo T ở trong phòng; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T cũng khai bị cáo chỉ thuê phòng và ở một mình; trên cơ sở chứng cứ thu giữ tại phòng trọ của bị cáo T (bút lục 01, 02, 308), lời khai của người những làm chứng Nguyễn Đăng N (bút lục 281-286, 340-341) và lực lượng Công an phường T (bút lục 296-299, 328-329, 332-333, 342, 426, 427, 428-431) gồm có Võ Trường S, Phan Ngọc M1, Lê Minh T4 có đủ cơ sở kết luận bị cáo T có hành vi tàng trữ chất ma túy tại phòng trọ.

[2] Theo quy định tại khoản 1 và điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

g) *Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30gam;*

o) *Tái phạm nguy hiểm.*”

Bị cáo T có hành vi tàng trữ 11,2492gam ma túy loại Heroine tại phòng trọ của bị cáo; đồng thời bị cáo T có 2 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội mới là thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Phạm Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây tác động xấu cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo T vi phạm pháp luật nhưng luôn quanh co chối tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Xét thấy, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo và xử phạt bị cáo với mức án 07 (bảy) năm tù là tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai rằng ngày 09/10/2015, bị cáo bị bắt bởi những người mặc thường phục, không có giấy tờ chứng minh đang làm nhiệm vụ; bị cáo T bị những người này dùng vũ lực uy hiếp để lấy tài sản gồm đô la Mỹ, tiền Việt Nam, điện thoại và đầu đĩa VCD; những người này còn dùng mền đè bị cáo đến ngất xỉu. Tuy nhiên, khi Công an phường T bắt giữ bị cáo T là có mặt đồng phục của ngành và có thẻ ngành (bút lục 307), không ai đánh đập và dùng mền đè bị cáo T đến ngất xỉu (bút lục 307, 340-343) và không ai lấy tài sản của bị cáo T. Người bào chữa cho bị cáo T cho rằng ngày 09/10/2015, Công an phường T lập biên bản bắt bị cáo T cùng tang vật là không khách quan vì không có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và người chứng kiến khác, tuy nhiên khi bắt giữ bị cáo T cùng tang vật là có sự chứng kiến của ông Nguyễn Đăng N. Do đó lời trình bày của bị cáo T và người bào chữa cho bị cáo T là không có cơ sở chấp nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo Nguyễn Phạm Minh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phạm Minh T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HS-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phạm Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Minh T 07 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/10/2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Phạm Minh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã D;
- VKSND thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Phòng PV27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức